

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 46



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 21 ngày 13 tháng 01 năm 2015.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch
	Ông Bùi Tấn Tài	Thành viên
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Thành viên
	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Thành viên
	Ông Đinh Văn Thập	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Phạm Phú Cường	Tổng Giám đốc
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Phú Cường

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Trụ sở chính TP. Hà Nội

Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
số 235 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

T +84 (4) 3 783 2121

F +84 (4) 3 783 2122

E info@cpavietnam.vn

W <http://cpavietnam.vn>

Số: 289/2016/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 46, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0779-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 11/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Thị Minh Anh
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1492-2015-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.695.799.337.113	1.286.124.902.954
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	127.376.857.314	55.907.981.288
1. Tiền	111		66.076.857.314	52.307.981.288
2. Các khoản tương đương tiền	112		61.300.000.000	3.600.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		749.904.439.374	527.426.726.751
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	656.652.612.246	441.262.207.889
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		44.411.291.443	43.756.342.302
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	48.840.535.685	42.408.176.560
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	721.302.870.922	656.624.498.236
1. Hàng tồn kho	141		723.431.043.399	658.321.468.726
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.128.172.477)	(1.696.970.490)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		97.215.169.503	46.165.696.679
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	11.219.686.196	12.675.721.310
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		68.287.205.015	29.298.964.904
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.10	17.708.278.292	4.191.010.465
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		468.776.442.951	449.024.856.500
I Các khoản phải thu dài hạn	210		32.580.885.306	33.799.653.350
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	32.580.885.306	33.799.653.350
II Tài sản cố định	220		229.737.202.356	226.441.230.010
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	200.007.080.315	201.154.348.475
- Nguyên giá	222		600.685.712.069	561.670.062.894
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(400.678.631.754)	(360.515.714.419)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	29.730.122.041	25.286.881.535
- Nguyên giá	228		39.442.150.391	32.246.129.732
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.712.028.350)	(6.959.248.197)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		279.131.296	301.015.113
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		279.131.296	301.015.113
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	165.850.871.825	154.576.571.825
1. Đầu tư vào công ty con	251		72.803.268.520	60.053.268.520
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		65.761.989.920	70.112.689.920
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		27.285.613.385	24.410.613.385
VI Tài sản dài hạn khác	260		40.328.352.168	33.906.386.202
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	40.328.352.168	33.906.386.202
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.164.575.780.064	1.735.149.759.454

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01-DN

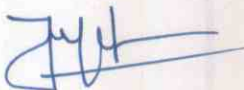
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.875.639.296.090	1.457.969.810.435
I- Nợ ngắn hạn	310		1.816.190.606.720	1.422.092.502.615
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	305.603.541.628	275.212.403.033
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.950.414.159	2.505.595.211
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	6.777.865.145	7.182.717.880
4. Phải trả người lao động	314		127.237.736.674	113.850.716.252
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	25.762.430.818	15.854.998.246
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.12	485.335.656	2.783.756.583
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	9.604.509.408	10.133.283.870
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	1.293.451.945.075	981.314.810.542
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	29.144.918.195	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		12.171.909.962	13.254.220.998
II- Nợ dài hạn	330		59.448.689.370	35.877.307.820
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.9	1.496.498.791	1.939.961.366
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.12	15.259.492.405	2.902.333.389
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	6.338.182.174	6.104.428.265
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.14	36.354.516.000	24.930.584.800
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		288.936.483.974	277.179.949.019
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	288.936.483.974	277.179.949.019
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.399.897.713	30.312.209.716
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		75.536.586.261	64.867.739.303
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		19.367.739.303	11.293.189.894
- LNST chưa phân phối kì này	421b		56.168.846.958	53.574.549.409
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		2.164.575.780.064	1.735.149.759.454

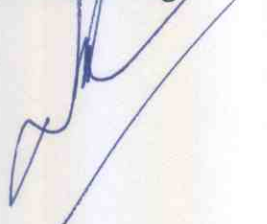
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Người lập



Huỳnh Văn Phát

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

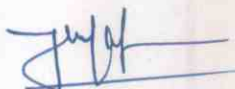
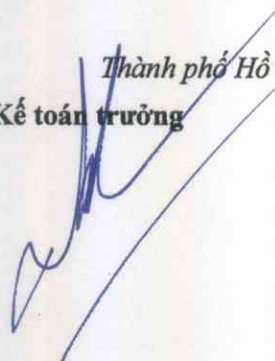
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	3.597.781.717.707	2.829.399.787.694
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		15.345.848.134	5.853.636.112
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.16	3.582.435.869.573	2.823.546.151.582
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	2.950.516.073.486	2.346.512.609.566
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		631.919.796.088	477.033.542.016
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	68.912.730.773	38.737.339.866
7. Chi phí tài chính	22	5.19	103.860.952.486	51.239.389.421
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		26.746.350.984	25.640.436.028
8. Chi phí bán hàng	24	5.20	259.330.565.738	190.257.303.727
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.21	256.941.776.412	194.245.743.500
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		80.699.232.224	80.028.445.234
11. Thu nhập khác	31	5.22	1.548.679.057	3.333.217.439
12. Chi phí khác	32	5.22	963.472.352	3.162.293.103
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		585.206.705	170.924.336
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		81.284.438.929	80.199.369.570
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	12.866.542.680	13.485.564.945
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		68.417.896.249	66.713.804.625

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Huỳnh Văn Phát

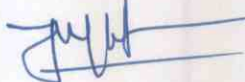
Mai Văn Hoàng Dũng

Phạm Phú Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	81.284.438.929	80.199.369.570
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	56.546.903.938	67.171.156.684
- Các khoản dự phòng	3	29.576.120.182	(109.991.577)
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	5.754.169.844	5.114.633.607
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(25.186.235.888)	(23.934.977.484)
- Chi phí lãi vay	6	26.746.350.984	25.640.436.028
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	174.721.747.990	154.080.626.828
- Tăng các khoản phải thu	9	(271.368.159.806)	(124.277.641.629)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	(65.109.574.673)	(107.182.423.501)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	65.580.715.777	80.572.625.570
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(4.965.930.852)	(15.003.675.469)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(26.746.350.984)	(25.640.436.028)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.148.349.457)	(19.429.760.970)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(12.029.174.435)	(7.400.104.987)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(157.065.076.440)	(64.280.790.186)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(58.057.852.708)	(32.357.894.986)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	966.377.240	1.470.378.330
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(12.624.300.000)	(5.351.800.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.726.087.203	6.060.842.130
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24.172.345.501	24.540.356.885
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(43.817.342.764)	(5.638.117.641)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	3.072.172.901.818	2.311.735.242.362
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.756.247.769.754)	(2.224.729.128.804)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(45.500.000.000)	(45.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	270.425.132.064	41.506.113.558
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	69.542.712.860	(28.412.794.269)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	55.907.981.288	84.215.154.598
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	1.926.163.166	105.620.959
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	127.376.857.314	55.907.981.288

Người lập



Huỳnh Văn Phát

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. HCM cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 21 ngày 13 tháng 01 năm 2015.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Vốn điều lệ là: 182.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	5.040.000	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	1.416.571	14.165.710.000	7,78%
Công ty CP TM & Vận tải Biển Bom	49.122	491.220.000	0,27%
Các cổ đông khác	11.694.307	116.943.070.000	64,26%
Tổng	18.200.000	182.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 31/12/2015 là: 6.501 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm thêu;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;

...

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2015, Tổng Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết như sau:

	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con	
Công ty Cổ phần May Gia Lai	51,00%
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	55,00%
Công ty Cổ phần May Bình Định	51,84%
Công ty Cổ phần May An Nhơn	51,00%
Công ty Cổ phần May Tam Quan	51,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Nhà Bè	51,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May Nhà Bè	51,00%
Công ty Cổ phần May Bình Thuận – Nhà Bè	51,00%
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	70,00%
Công ty liên kết	
Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	33,19%
Công ty CP Truyền Thông và Du lịch NBC	36,87%
Công ty CP May Nam Định	49,86%
Công ty CP Đầu Tư Nhà Bè	28,58%
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	30,00%
Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	30,00%
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	29,99%
Công ty CP May Sông Tiền	43,89%
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	25,00%
Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	30,00%
Các đơn vị phụ thuộc	
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát	
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc	
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May An Giang	
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum	
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định	
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc	
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội	
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Đà Nẵng	

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Tổng Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, Tổng Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính) (chi tiết xem thuyết minh 6.3), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại tại ngày 31/12/2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại tại ngày 31/12/2015.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền:

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các Công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, quyền phát hành, công thức pha chế,... và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp)

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2015
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 07
Tài sản cố định vô hình	
	Năm 2015
	Số năm
Quyền sử dụng đất	50
Nhãn hiệu hàng hóa	10
Bản quyền, bằng sáng chế	10
Công thức pha chế, thiết kế,...	10

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí khuyến mãi, chiết khấu,...

Chi phí nguyên vật liệu: vải chính,...

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) **Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 22% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	8.647.386.842	8.513.740.217
Tiền gửi ngân hàng	57.429.470.472	43.794.241.071
Các khoản tương đương tiền (*)	61.300.000.000	3.600.000.000
Tổng	127.376.857.314	55.907.981.288

(*) Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn dưới 3 tháng.

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	656.652.612.246	441.262.207.889
DESIPRO PTE.LTD	76.166.704.258	5.000.314.274
MOTIVES	162.625.477.173	108.192.706.039
ASDA	5.755.359.457	15.006.237.042
WE EUROPE	6.061.029.217	3.835.680.079
JP GLOBAL	8.789.905.008	9.448.648.778
Công Ty CP May Gia Lai	44.725.228.136	29.284.085.591
H&M	14.154.092.560	1.966.968.317
JC PENNY	12.589.820.830	8.063.561.765
ARCADIA	8.437.458.337	2.243.243.178
BMB CLOTHING GROUP	18.898.535.568	-
Phải thu các đối tượng khác	298.449.001.702	258.220.762.826
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Tổng	656.652.612.246	441.262.207.889

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.3 Phải thu khác

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	48.840.535.685	-	42.408.176.560	-
- Phải thu bảo hiểm xã hội	1.956.844.810	-	1.610.850.100	-
- Phải thu bán nguyên phụ liệu	11.191.241.000	-	1.709.405.088	-
- Thuế GTGT được hoàn	-	-	25.862.128.844	-
- Ứng tiền đầu tư dự án Hậu Giang	17.423.175.750	-	-	-
- Phải thu tạm ứng	4.148.520.519	-	3.469.538.510	-
- Phải thu các công ty con, liên kết	5.727.052.925	-	-	-
- Phải thu khác	8.393.700.682	-	9.756.254.018	-
Dài hạn	32.580.885.306	-	33.799.653.350	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.152.259.156	-	1.680.287.200	-
- Công ty Cổ phần May Phù Cát	10.144.440.000	-	11.835.180.000	-
- Mua đất dự án Long Thới	20.284.186.150	-	20.284.186.150	-
Tổng	81.421.420.991	-	76.207.829.910	-

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	318.809.004.717	556.923.321	314.903.829.866	108.515.559
Công cụ, dụng cụ	1.164.371.421	-	1.660.844.011	-
Chi phí SX KDDD	236.735.624.740	-	210.254.594.641	-
Thành phẩm	100.784.936.401	453.153.239	76.643.286.332	453.153.239
Hàng hóa	7.842.506.404	107.145.849	7.880.892.783	124.351.624
Hàng gửi bán	58.094.599.716	1.010.950.068	46.978.021.093	1.010.950.068
Tổng	723.431.043.399	2.128.172.477	658.321.468.726	1.696.970.490

5.5 Chi phí trả trước

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	11.219.686.196	12.675.721.310
Chi phí bảo hiểm	2.020.552.115	2.059.188.598
Chi phí CCDC	3.060.937.315	1.506.121.756
Máy móc thiết bị	16.542.262	61.662.006
Phân bổ phụ tùng	376.469.858	641.905.673
Chi phí quảng cáo	948.490.354	572.046.883
Chi phí sửa chữa	723.990.835	1.864.411.810
Chi phí thuê mặt bằng	3.441.380.030	5.494.343.374
Tiền thuê đất	74.426.761	-
Khác	556.896.666	476.041.210
b) Dài hạn	40.328.352.168	33.906.386.202
Chi phí thuê đất	16.596.234.548	16.506.276.580
Chi phí CCDC	9.659.343.807	4.929.775.064
Chi phí quảng cáo	201.676.665	335.153.031
Chi phí sửa chữa	6.283.887.946	3.488.080.813
Chi phí phụ tùng	1.645.269.611	1.640.764.899
Tài sản giảm theo thông tư 45	945.745.626	6.935.085.815
Máy móc thiết bị	4.917.110.131	-
Khác	79.083.834	71.250.000
Tổng	51.548.038.364	46.582.107.512

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2015	212.138.237.841	321.613.889.622	18.920.537.032	8.997.398.399	561.670.062.894
Tăng trong năm	6.749.680.824	39.181.980.322	5.696.985.818	1.302.437.985	52.931.084.949
Mua trong năm	-	38.871.378.531	5.696.985.818	1.302.437.985	45.870.802.334
Xây dựng cơ bản hoàn thành	6.749.680.824	310.601.791	-	-	7.060.282.615
Giảm trong năm	5.544.837.286	8.370.598.488	-	-	13.915.435.774
Thanh lý nhượng bán	5.544.837.286	8.370.598.488	-	-	13.915.435.774
Số dư tại 31/12/2015	213.343.081.379	352.425.271.456	24.617.522.850	10.299.836.384	600.685.712.069
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2015	110.278.699.809	228.586.227.964	14.283.526.026	7.367.260.620	360.515.714.419
Tăng trong năm	12.331.442.779	38.192.094.392	2.430.877.625	839.708.989	53.794.123.785
Khấu hao trong năm	12.331.442.779	38.192.094.392	2.430.877.625	839.708.989	53.794.123.785
Giảm trong năm	5.589.182.018	8.042.024.432	-	-	13.631.206.450
Thanh lý nhượng bán	5.544.837.286	8.042.024.432	-	-	13.586.861.718
Giảm khác	44.344.732	-	-	-	44.344.732
Số dư tại 31/12/2015	117.020.960.570	258.736.297.924	16.714.403.651	8.206.969.609	400.678.631.754
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	101.859.538.032	93.027.661.658	4.637.011.006	1.630.137.779	201.154.348.475
Tại ngày 31/12/2015	96.322.120.809	93.688.973.532	7.903.119.199	2.092.866.775	200.007.080.315

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2015: 213.986.469.625 đồng (tại ngày 31/12/2014: 178.402.273.399 đồng).

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Nhãn hiệu, hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế	Quyền phát hành, giấy phép, giấy nhượng quyền	Công thức, pha chế thiết kế, kiểu mẫu	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2015	1.923.690.012	15.665.124.511	12.323.741.389	2.333.573.820	32.246.129.732
Tăng trong năm	-	7.196.020.659	-	-	7.196.020.659
Mua mới trong năm	-	7.196.020.659	-	-	7.196.020.659
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	1.923.690.012	22.861.145.170	12.323.741.389	2.333.573.820	39.442.150.391
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2015	93.442.642	3.749.045.148	1.826.774.218	1.289.986.189	6.959.248.197
Tăng trong năm	65.959.512	1.929.168.769	524.294.484	233.357.388	2.752.780.153
Khấu hao trong năm	65.959.512	1.929.168.769	524.294.484	233.357.388	2.752.780.153
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	159.402.154	5.678.213.917	2.351.068.702	1.523.343.577	9.712.028.350
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2015	1.830.247.370	11.916.079.363	10.496.967.171	1.043.587.631	25.286.881.535
Tại 31/12/2015	1.764.287.858	17.182.931.253	9.972.672.687	810.230.243	29.730.122.041

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

Tên công ty	Tỷ lệ (%)			31/12/2015 (VND)		Dự phòng	01/01/2015 (VND)		Dự phòng
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý		Giá gốc	Giá hợp lý	
Đầu tư vào Công ty con				72.803.268.520	72.803.268.520	-	60.053.268.520	60.053.268.520	-
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	51,00%	51%	1.275.000	12.750.000.000	12.750.000.000	-	-	-	-
Công ty CP May Đà Lạt	55,00%	55%	581.765	5.817.648.520	5.817.648.520	-	5.817.648.520	5.817.648.520	-
Công ty CP May Bình Định	51,84%	52%	1.153.562	11.535.620.000	11.535.620.000	-	11.535.620.000	11.535.620.000	-
Công ty CP May An Nhơn	51,00%	51%	765.000	7.650.000.000	7.650.000.000	-	7.650.000.000	7.650.000.000	-
Công ty CP Thương Mại Nhà Bè	51,00%	51%	255.000	2.550.000.000	2.550.000.000	-	2.550.000.000	2.550.000.000	-
Công ty CP TM Dệt May Nhà Bè	51,00%	51%	255.000	2.550.000.000	2.550.000.000	-	2.550.000.000	2.550.000.000	-
Công ty CP May Tam Quan	51,00%	51%	1.530.000	15.300.000.000	15.300.000.000	-	15.300.000.000	15.300.000.000	-
Công ty CP May Gia Lai	51,00%	51%	765.000	7.650.000.000	7.650.000.000	-	7.650.000.000	7.650.000.000	-
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	70,00%	70%	700.000	7.000.000.000	7.000.000.000	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết				65.761.989.920	65.761.989.920	-	70.112.689.920	70.112.689.920	-
Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	33,19%	33,19%	922.382	9.223.819.263	9.223.819.263	-	9.223.819.263	9.223.819.263	-
Công ty CP Truyền Thông NBC (NBC Media)			-	-	-	-	560.000.000	560.000.000	-
Công ty CP May Nam Định	49,86%	49,86%	388.917	3.889.170.657	3.889.170.657	-	3.889.170.657	3.889.170.657	-
Công ty CP Đầu Tư Nhà Bè	28,58%	28,58%	342.900	3.429.000.000	3.429.000.000	-	3.429.000.000	3.429.000.000	-
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	30,00%	30,00%	150.000	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-
Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	30,00%	30,00%	900.000	9.000.000.000	9.000.000.000	-	9.000.000.000	9.000.000.000	-
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	29,99%	29,99%	300.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	49,41%	49,41%	-	-	-	-	9.650.700.000	9.650.700.000	-
Công ty CP May Sông Tiền	43,89%	43,89%	1.536.000	15.360.000.000	15.360.000.000	-	15.360.000.000	15.360.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông & Du lịch NBC	36,87%	36,87%	1.106.000	11.060.000.000	11.060.000.000	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	25,00%	25,00%	750.000	7.500.000.000	7.500.000.000	-	7.500.000.000	7.500.000.000	-
Công ty CP Thương Mại Bán Lê Nhà Bè	30,00%	30,00%	180.000	1.800.000.000	1.800.000.000	-	-	-	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Tên công ty	Tỷ lệ (%)			31/12/2015 (VND)		Dự phòng	01/01/2015 (VND)		Dự phòng
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý		Giá gốc	Giá hợp lý	
Đầu tư vào đơn vị khác				27.285.613.385	27.285.613.385	-	24.410.613.385	24.410.613.385	-
Đầu tư trái phiếu				1.530.000.000	1.530.000.000		1.530.000.000	1.530.000.000	
Cty CP May An Nhon				1.530.000.000	1.530.000.000		1.530.000.000	1.530.000.000	
Đầu tư khác				25.755.613.385	25.755.613.385		22.880.613.385	22.880.613.385	
Công ty CP May Việt Thắng (Vigaco)	1,95%	1,95%		3.747.100.000	3.747.100.000		3.747.100.000	3.747.100.000	
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Bình Thắng	18,13%	18,13%		5.802.843.385	5.802.843.385		5.802.843.385	5.802.843.385	
Công ty CP NPL Dệt May Bình An	6,45%	6,45%		7.161.920.000	7.161.920.000		7.161.920.000	7.161.920.000	
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	2,04%	2,04%		3.480.000.000	3.480.000.000		3.480.000.000	3.480.000.000	
Công ty CP TM Chọn				-	-		1.350.000.000	1.350.000.000	
Công ty CP May Nam Định	18,59%	18,59%		1.338.750.000	1.338.750.000		1.338.750.000	1.338.750.000	
Công ty CP Đầu Tư An Phát	5,00%	5,00%		4.225.000.000	4.225.000.000		-	-	
Tổng				165.850.871.825	165.850.871.825	-	154.576.571.825	154.576.571.825	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Phải trả người bán

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	305.603.541.628	305.603.541.628	275.212.403.033	275.212.403.033
Công ty CP May Tam Quan	20.455.026.214	20.455.026.214	25.829.917.696	25.829.917.696
Công ty CP May Gia Lai	14.571.303.665	14.571.303.665	15.456.771.033	15.456.771.033
Motives (Far East) Ltd.	13.347.859.645	13.347.859.645	8.733.494.335	8.733.494.335
Công ty TNHH Coats Phong Phú	12.816.655.224	12.816.655.224	453.150.073	453.150.073
Công ty CP May Bình Định	12.639.392.680	12.639.392.680	15.986.996.863	15.986.996.863
Công ty CP SX TM DV Hưng Phát	10.873.167.692	10.873.167.692	5.626.200.636	5.626.200.636
Công ty TNHH May XK Việt Thành	10.217.121.782	10.217.121.782	12.131.115.308	12.131.115.308
Công ty CP May Tây Sơn	10.054.160.258	10.054.160.258	8.505.432.049	8.505.432.049
Công ty CP Thương mại Dệt May tại Hà Nội	9.357.221.335	9.357.221.335	-	-
Công ty CP May An Nhơn	9.262.826.484	9.262.826.484	12.426.957.036	12.426.957.036
Phải trả các nhà cung cấp khác	182.008.806.649	182.008.806.649	170.062.368.004	170.062.368.004
b) Dài hạn	1.496.498.791	1.496.498.791	1.939.961.366	1.939.961.366
Công ty CP DV Dầu Khí Sài Gòn (SPSC)	72.000.000	72.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Đầu Tư TM và DV Hà Anh	109.970.850	109.970.850	-	-
Công ty TNHH MTV TM Thời Trang Dệt May Việt Nam	607.833.224	607.833.224	-	-
Công Ty TNHH MTV XD SX TM DV T.A.T	46.822.875	46.822.875	-	-
Công ty TNHH Vải Sợi & Thời Trang Kim Vũ	68.071.500	68.071.500	-	-
Công ty TNHH Xây Dựng TTNT Trường Tín	34.984.783	34.984.783	-	-
Công ty Xây lắp 1	234.364.068	234.364.068	234.364.068	234.364.068
Công ty TNHH SX - TMDV Nam Thành	24.097.482	24.097.482	-	-
Embiphene	37.962.000	37.962.000	-	-
The Sewing machine Company Ltd	53.947.720	53.947.720	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	206.444.289	206.444.289	1.705.597.298	1.705.597.298
Tổng	307.100.040.419	307.100.040.419	277.152.364.399	277.152.364.399

5.10 Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2015
	VND			VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.534.076.738	21.628.438.113	20.699.094.932	3.463.419.919
Thuế XNK	1.446.907.481	922.097.749	1.286.008.229	1.082.997.001
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.643.722.920	-	1.643.722.920	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.287.575.990	4.021.917.246	3.129.328.695	2.180.164.541
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	173.189.949	173.189.949	-
Thuế môn bài	-	51.000.000	51.000.000	-
Thuế nhà thầu	-	540.224.340	540.224.340	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	270.434.751	1.011.459.845	1.230.610.912	51.283.684
Tổng	7.182.717.880	28.348.327.242	28.753.179.977	6.777.865.145
Phải thu				
Thuế XNK	4.146.971.327	6.676.408.761	17.555.592.731	15.026.155.297
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	12.866.542.680	15.504.626.537	2.638.083.857
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	44.039.138	-	-	44.039.138
Tổng	4.191.010.465	19.542.951.441	33.060.219.268	17.708.278.292

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Chi phí phải trả

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	25.762.430.818	15.854.998.246
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	7.272.128.575	5.088.721.731
Bản quyền phần mềm Microsoft	23.247.298	23.247.298
Chi phí nguyên vật liệu - Vải chính	13.504.887.911	4.730.361.950
Hạn mục san nền mặt bằng và đường trục chính cụm công nghiệp Tam Quan	1.141.235.091	1.141.235.091
Chi phí điện, nước, vận chuyển	2.159.126.240	4.659.283.001
Chi phí phải trả khác	1.661.805.703	212.149.175
b) Dài hạn	-	-
Tổng	25.762.430.818	15.854.998.246

5.12 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	485.335.656	2.783.756.583
Doanh thu nhận trước	485.335.656	2.783.756.583
b) Dài hạn	15.259.492.405	2.902.333.389
Doanh thu nhận trước	15.259.492.405	2.902.333.389
Tổng	15.744.828.061	5.686.089.972

5.13 Phải trả khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	9.604.509.408	10.133.283.870
Kinh phí công đoàn	910.373.377	1.595.226.528
Bảo hiểm xã hội	270.240.986	1.014.068.859
Bảo hiểm y tế	1.012.520.103	660.362.733
Bảo hiểm thất nghiệp	321.189.626	224.816.001
Phải trả khác	7.090.185.316	6.638.809.749
<i>Lợi nhuận khoán - Công ty CP May Gia Lai</i>	<i>3.800.000.000</i>	<i>3.800.000.000</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>3.290.185.316</i>	<i>2.838.809.749</i>
b) Dài hạn	6.338.182.174	6.104.428.265
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại CCN Tam Quan	3.423.705.274	4.564.940.365
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.914.476.900	1.539.487.900
Tổng	15.942.691.582	16.237.712.135

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2015 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	1.293.451.945.075	1.293.451.945.075	3.060.748.970.618	2.748.611.836.085	981.314.810.542	981.314.810.542
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam [1]	602.442.122.850	602.442.122.850	1.410.293.436.423	1.448.649.303.562	640.797.989.989	640.797.989.989
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 [2]	175.694.627.925	175.694.627.925	408.269.823.496	232.575.195.571	-	-
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) [3]	68.137.221.150	68.137.221.150	127.406.720.563	59.269.499.413	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam [4]	154.773.968.625	154.773.968.625	268.113.601.239	241.962.498.600	128.622.865.986	128.622.865.986
Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh [5]	35.791.532.775	35.791.532.775	98.547.472.001	99.959.982.495	37.204.043.269	37.204.043.269
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đông Sài Gòn [6]	50.308.502.850	50.308.502.850	144.392.352.749	110.475.470.015	16.391.620.116	16.391.620.116
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	-	-	13.272.118.102	17.562.814.485	4.290.696.383	4.290.696.383
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam [7]	21.913.997.850	21.913.997.850	131.007.130.247	193.244.422.643	84.151.290.246	84.151.290.246
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn [8]	125.787.685.275	125.787.685.275	312.306.426.600	248.093.320.925	61.574.579.600	61.574.579.600
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á- CN Sài Gòn [9]	44.400.941.775	44.400.941.775	131.539.191.861	87.138.250.086	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	14.201.344.000	14.201.344.000	15.600.697.337	9.681.078.290	8.281.724.953	8.281.724.953
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - USD	9.990.000.000	9.990.000.000	11.091.953.179	5.654.273.892	4.552.320.713	4.552.320.713
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND	4.211.344.000	4.211.344.000	4.508.744.158	3.428.744.158	3.131.344.000	3.131.344.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	-	-	598.060.240	598.060.240	598.060.240

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2015 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay dài hạn	36.354.516.000	36.354.516.000	26.876.122.000	15.452.190.800	24.930.584.800	24.930.584.800
Từ 12 đến 60 tháng						
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - USD [10]	27.877.500.000	27.877.500.000	21.952.721.842	10.943.446.642	16.868.224.800	16.868.224.800
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND [10]	8.477.016.000	8.477.016.000	4.923.400.158	4.508.744.158	8.062.360.000	8.062.360.000
Tổng	1.329.806.461.075	1.329.806.461.075	3.087.625.092.618	2.764.064.026.885	1.006.245.395.342	1.006.245.395.342

[1] Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014. Hạn mức cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, phát hành thư tín dụng, hạn mức khác là: 800.000.000.000 đồng. Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 30/06/2015. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Biện pháp bảo đảm là không có tài sản đảm bảo. Hợp đồng cho vay theo hạn mức 01/CV-0211/KH/14NH ngày 25/09/2014 đính kèm hợp đồng 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014. Hạn mức cho vay là: 800.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, thời gian rút vốn vay đến hết ngày 30/06/2015, thời hạn vay trên mỗi giấy nhận nợ tối đa là 6 tháng. Lãi suất cho vay là lãi suất thỏa thuận lúc nhận nợ, lãi vay được tính kể từ khi nhận nợ, kỳ tính lãi là từ 26 tháng trước đến 25 tháng tiếp theo. Biện pháp bảo đảm: cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo. Hợp đồng cấp hạn mức phát hành thư tín dụng số 01/TTD-0211/KH/14NH ngày 25/09/2014 đính kèm hợp đồng 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014, Hạn mức phát hành thư tín dụng là: 800.000.000.000 đồng, thời hạn đến hết 30/06/2015. Hợp đồng hạn mức chiết khấu có truy đòi hối phiếu và bộ chứng từ xuất khẩu số 01/CK-0211/KH/14NH ngày 25/09/2014 đính kèm hợp đồng 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014, lãi suất chiết khấu do hai bên thỏa thuận.

- Phụ lục 02/CV-0211/KH/14NH : Hợp đồng cho vay theo hạn mức ngày 30 tháng 06 năm 2015 đính kèm hợp đồng tín dụng số 0211/KH/14NH ngày 25 tháng 09 năm 2014 : Hạn mức cho vay : 800.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn rút vốn có hiệu lực đến hết ngày 30/06/2015. Thời hạn cho vay được tính theo từng Giấy nhận nợ của từng lần rút vốn tối đa là 06 tháng kể từ ngày nhận nợ vay theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay theo thỏa thuận tại thời điểm Công ty nhận nợ sử dụng vốn vay. Lãi suất nợ quá hạn áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

[2] Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh 4: Hợp đồng tín dụng số 01/2015 - HĐTĐHM/NHCT908-NBC ký ngày 16/10/2015. Hạn mức cho vay : Tổng mức dư nợ vay và số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 400.000.000.000 đồng. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ, số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay phát sinh được điều chỉnh bởi hợp đồng tín dụng số 14.043.011.01/2014 - HĐTĐNHM/NHCT908-NBC ngày 20/10/2014. Thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 16/10/2015 đến hết 25/10/2016. Mục đích sử dụng : bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ theo quy định của Bên cho vay. Lãi vay thanh toán hàng tháng vào ngày 25.



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

[3] Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam theo thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số VNM 150421 ngày 02 tháng 03 năm 2015, về việc cấp hạn mức hỗn hợp với số tiền là 8.000.000 USD để đáp ứng nhu cầu vốn của Tổng Công ty cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển, nhu cầu dịch vụ thương mại. Tổng thời hạn của mỗi khoản tiện ích không vượt quá 150 ngày. Tiền lãi sẽ được tính ở mức lãi suất cho vay cơ bản USD của thời hạn tương ứng cộng 0,8%/năm. Hạn mức thấu chi là 6.412.500.000 VND, lãi suất cho số dư thấu chi là bằng mức lãi suất cho vay cơ bản VND qua đêm cộng 1.55%/năm, được thanh toán vào cuối tháng bằng cách khấu trừ vào tài khoản. Biện pháp bảo đảm bằng hàng tồn kho và khoản phải thu theo hợp đồng thế chấp số VMR 111978/MR trị giá ít nhất 8.000.000 USD.

Thỏa thuận chung về tiện ích Bảng sửa đổi số 2 ngày 03/12/2015, tổng hạn mức tiện ích 8.000.000 USD. Lãi suất áp dụng là Lãi suất cho vay cơ bản USD/VND/ngoại tệ khác cộng với lãi biên tối đa 1%/ năm. Hạn mức thấu chi 6.412.500.000 VND.

[4] Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 0151 - HĐTD.VIB625.15 ngày 03/07/2015, với tổng các tiện ích ngắn hạn là 200.000.000.000 VND (hoặc tương đương bằng ngoại tệ khác được VIB chấp nhận) trong đó tổng các tiện ích tín dụng ngắn hạn là: 170.000.000.000 VND, tiện ích tín dụng chứng từ là 200.000.000.000 VND. thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay đáp ứng về nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh ngành dệt may của Tổng Công ty. Thời gian của các tiện ích được xem xét lại định kỳ hàng năm, vào thời điểm do VIB toàn quyền quyết định. Lãi suất cho vay bằng chi phí giá vốn cộng biên độ điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật, lãi được thanh toán cuối kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Biện pháp bảo đảm: Công ty cam kết chuyển doanh thu về tài khoản Ngân hàng tối thiểu 10% doanh thu nhưng không thấp hơn 300 tỷ đồng/năm. Doanh thu trực tiếp về tài khoản VIB tối thiểu bằng 30% doanh số giải ngân tại VIB.

[5] Ngân hàng Far East National Bank, Chi nhánh TP.HCM, (sau đổi tên thành Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh) theo hợp đồng tín dụng số 151017 tháng 05 năm 2015, với tổng hạn mức tín dụng là 3.000.000 USD, để đáp ứng nhu cầu bổ sung vốn lưu động, tài trợ cho việc sản xuất, gia công hàng xuất khẩu của Tổng Công ty, nhu cầu phát hành thư tín dụng, chiết khấu L/C. Có thời hạn từ ngày 18/06/2015 đến 18/06/2016. Lãi suất cho vay không thấp hơn LIBOR hoặc chi phí vốn của ngân hàng cộng với 1,00%/ năm đối với USD, không thấp hơn chi phí vốn của ngân hàng + 1,00%/năm đối với VND, lãi được tính lũy kế từng ngày và dựa trên cơ sở 360 ngày, giai đoạn tính lãi là 1 tháng, vào ngày 27 hàng tháng. Lãi phạt sẽ tăng lên 5% của khoản tiền lãi phải trả nhưng không quá 150%/năm. Biện pháp bảo đảm là các khoản phải thu và hàng tồn kho.

[6] Ngân hàng TMCP Quân Đội, Chi nhánh Đông Sài Gòn, theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 44.15.280.589305.TD ngày 19 tháng 06 năm 2015, với tổng hạn mức tín dụng là 10.000.000 USD (hoặc nội tệ tương đương), mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh may mặc giai đoạn 2015 - 2016. Thời hạn giải ngân tối đa đến 31/05/2016. Thời hạn vay cho mỗi khoản vay là: 6 tháng. Thời gian đáo hạn cuối cùng của một khoản tín dụng thuộc hạn mức tín dụng là ngày sau 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản tín dụng đó, lãi suất cho vay được áp dụng theo gói tín dụng ưu đãi Bluechip, lãi suất được xác định cụ thể cho từng khế ước vay, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn. Lãi được thu định kỳ hàng tháng vào ngày 05 hàng tháng. Phạt tiền lãi 3% trên số tiền lãi chậm trả dưới 10 ngày, 5% trên số tiền lãi từ 10 đến 30 ngày và 7% trên số tiền lãi chậm trả trên 30 ngày. Biện pháp bảo đảm bằng tín chấp.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

[7] Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, theo biên bản sửa đổi thứ tư thư đề nghị cung cấp tiện ích ngày 25 tháng 09 năm 2015, với tổng hạn mức tín dụng là 6.000.000 USD trong đó hạn mức tiện ích để tài trợ thanh toán chi phí gia công là 2.000.000 USD, ngày xem xét lại tiện ích là 30/06/2016 để đáp ứng nhu cầu mua nguyên vật liệu và thanh toán chi phí gia công từ các bên không có liên quan của bên vay. Kỳ hạn tối đa là 5 tháng cho mỗi khoản vay tính từ ngày rút vốn. Lãi suất cho vay bằng chi phí vốn của ngân hàng cộng 1,5%/năm. Còn lại các điều khoản khác không có thay đổi so với thư đề nghị cung cấp tiện ích cũ. Biện pháp đảm bảo: thế chấp hàng hóa.

[8] Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Sài Gòn: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/93189/HĐTD ngày 03/08/2015, hạn mức cấp tín dụng thường xuyên là: 20.000.000 USD. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động/ bảo lãnh, mở L/C, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31/07/2016. Lãi suất vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Biện pháp bảo đảm là tín chấp.

[9] Ngân hàng TMCP Đông Nam Á-Chi nhánh Sài Gòn : Hợp đồng hạn mức tín dụng số 200815/HĐTD-HM/DN ngày 15/03/2015. Hạn mức tín dụng tối đa là: 10.000.000 USD hoặc VNĐ tương đương, mục đích là bổ sung vốn lưu động. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn tối đa cho mỗi khoản vay không quá 6 tháng. Hình thức bảo đảm bằng tín chấp. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo từng món vay, lãi suất quá hạn tối đa là 150%.

[10] Vay dài hạn của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, gồm các hợp đồng:

Hợp đồng 0018/ĐTDA/13CD: Đây là khoản vay dài hạn từ ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0018/ĐTDA/13CD ngày 22 tháng 04 năm 2013, với số tiền cam kết cho vay tối đa bằng VNĐ hoặc USD tương đương là 19.950.000.000 VNĐ, trong đó tổng số tiền giải ngân bằng USD tối đa là : 190.373 USD. Nhằm mục đích đầu tư máy móc thiết bị. Thời hạn của khoản vay này là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay VNĐ bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ 12 tháng loại trả sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 3,6%/năm. Lãi suất cho vay không thấp hơn sàn cho vay ngắn hạn áp dụng đối với bên vay và được điều chỉnh 3 tháng một lần. Các khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc thiết bị ngành may trị giá 28.500.000.000 đồng. Phụ lục hợp đồng số 2 ngày 20/01/2014 về lịch trả nợ. Hợp đồng thế chấp thiết bị số 0025/NHNT-TC ngày 22/04/2013, danh sách tài sản được mô tả trong biên bản định giá số 01/BBĐG ngày 16/04/2013.

Hợp đồng tín dụng số 0004/ĐTDA/14CD ngày 27 tháng 02 năm 2014, phục vụ cho dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị năm 2014. ký với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM. Tổng số tiền cho vay tối đa bằng VNĐ hoặc USD tương đương 18.072.753.342 VNĐ (tỷ giá quy đổi tỷ giá bán chuyên khoản của USD do bên cho vay công bố tại ngày giải ngân). Mục đích sử dụng vốn vay là để thanh toán các chi phí của dự án. Thời hạn cho vay tối đa 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ 54 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ công bố + với biên độ 2,5%/năm, thời gian còn lại thì bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ công bố + với biên độ 3 %/năm. Lãi suất USD bằng lãi suất tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng cuối kỳ cộng với biên độ cố định 2,8%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Trả nợ gốc được trả làm 18 kỳ kể từ thời gian ân hạn. Biện pháp bảo đảm tiền vay là thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay của dự án. Hợp đồng thế chấp tài sản số 0010/NHNT-TC ngày 27/02/2014, tài sản đảm bảo được mô tả trong biên bản định giá tài sản số 01-0010/BBĐG ngày 03/2014.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Hợp đồng tín dụng số 0031/ĐTDA/14CD ngày 06 tháng 10 năm 2014, phục vụ cho dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị năm 2014 đợt 2, ký với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM. Tổng số tiền cho vay tối đa bằng VND hoặc USD tương đương 5.690.000.000 VND (tỷ giá quy đổi tỷ giá bán chuyển khoản của USD do bên cho vay công bố tại ngày giải ngân) nhưng không vượt quá tối đa 70% tổng mức đầu tư dự án. Mục đích sử dụng vốn vay là để thanh toán các chi phí của dự án. Thời hạn cho vay tối đa 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ 54 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ công bố + với biên độ 2,5%/năm, thời gian còn lại thì bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ công bố + với biên độ 3%/năm. Lãi suất USD bằng lãi suất tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng cuối kỳ cộng với biên độ cố định 2,8%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Trả nợ gốc được trả làm 18 kỳ kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Biện pháp bảo đảm tiền vay là thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay của dự án. Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0044/NHNT-TC ngày 06/10/2014, biên bản định giá tài sản bảo đảm số 01-0044/BBĐG ngày 06/10/2014.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	182.000.000.000	18.200.000.000	10.110.795.577	11.293.189.894	221.603.985.471
Tăng trong năm	-	-	2.001.414.139	66.713.804.625	68.715.218.764
Tăng vốn	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	66.713.804.625	66.713.804.625
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.001.414.139	-	2.001.414.139
Giảm trong năm	-	-	-	13.139.255.216	13.139.255.216
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	12.675.622.879	12.675.622.879
Giảm khác	-	-	-	463.632.337	463.632.337
Số dư tại 31/12/2014	182.000.000.000	18.200.000.000	12.112.209.716	64.867.739.303	277.179.949.019
Số dư tại 01/01/2015	182.000.000.000	30.312.209.716	-	64.867.739.303	277.179.949.019
Tăng trong năm	-	1.087.687.997	-	68.417.896.251	69.505.584.248
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	68.417.896.249	68.417.896.249
Phân phối lợi nhuận (*)	-	1.087.687.997	-	-	1.087.687.997
Tăng khác	-	-	-	2	2
Giảm trong năm	-	-	-	57.749.049.293	57.749.049.293
Tạm ứng cổ tức năm 2014	-	-	-	45.500.000.000	45.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.087.687.997	1.087.687.997
Quỹ khen thưởng	-	-	-	7.525.968.587	7.525.968.587
Quỹ phúc lợi	-	-	-	3.420.894.812	3.420.894.812
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh	-	-	-	214.497.897	214.497.897
Số dư tại 31/12/2015	182.000.000.000	31.399.897.713	-	75.536.586.261	288.936.483.974

(*) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2015 số 11/15/ĐHCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2015 về việc phân phối lợi nhuận năm 2014.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2015	Tỷ lệ	01/01/2015	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	50.400.000.000	27,69%	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	14.165.710.000	7,78%	17.800.000.000	9,78%
Công ty Cổ phần Thương mại & Vận tải Biển Bom	491.220.000	0,27%	491.220.000,00	0,27%
Các cổ đông khác	116.943.070.000	64,26%	113.308.780.000	62,26%
Tổng	182.000.000.000	100%	182.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	182.000.000.000	182.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	182.000.000.000	182.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	45.500.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu</i>		

5.16 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.597.781.717.707	2.829.399.787.694
Doanh thu bán thành phẩm	3.570.362.230.759	2.810.062.617.768
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.419.486.948	19.337.169.926
Các khoản giảm trừ doanh thu	15.345.848.134	5.853.636.112
Giảm giá hàng bán	2.196.170.459	5.853.636.112
Hàng bán bị trả lại	13.149.677.675	-
Doanh thu thuần về bán hàng	3.582.435.869.573	2.823.546.151.582

5.17 Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm	2.948.884.339.985	2.344.880.821.694
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.631.733.501	1.631.787.872
Tổng	2.950.516.073.486	2.346.512.609.566

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	731.477.184	1.121.835.038
Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.877.985.770	22.840.603.847
Lãi chênh lệch tỷ giá	43.490.063.163	14.196.982.981
Lợi nhuận khoán	437.117.453	577.918.000
Lãi do thanh lý khoản đầu tư	376.087.203	-
Tổng	68.912.730.773	38.737.339.866

5.19 Chi phí tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	26.746.350.984	25.640.436.028
Lỗ thanh lý khoản đầu tư	-	1.178.258.702
Lỗ chênh lệch tỷ giá	77.114.601.502	24.416.689.662
Chi phí tài chính khác	-	4.005.029
Tổng	103.860.952.486	51.239.389.421

5.20 Chi phí bán hàng

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên	40.048.433.960	33.393.093.816
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	6.950.112.977	2.925.322.056
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	3.192.503.881	2.551.157.317
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.511.721.797	854.426.942
Thuế, phí, lệ phí	105.707.272	51.406.236
Chi phí dịch vụ mua ngoài	189.502.931.095	134.890.909.593
Chi phí bằng tiền khác	18.019.154.756	15.590.987.767
Tổng	259.330.565.738	190.257.303.727

5.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	161.399.368.720	120.705.453.196
Chi phí vật liệu quản lý	13.649.581.225	9.312.865.020
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.129.224.156	3.196.191.238
Chi phí khấu hao TSCĐ	15.997.206.448	12.992.831.524
Thuế phí và lệ phí	2.982.313.925	1.163.838.561
Chi phí dự phòng	964.349.750	275.195.125
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.554.495.714	19.154.462.631
Chi phí bằng tiền khác	30.265.236.474	27.444.906.205
Tổng	256.941.776.412	194.245.743.500

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.22 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	637.803.183	834.677.355
Thu hồi nguyên vật liệu	512.578.587	-
Xử lý chênh lệch gia công	114.836.077	-
Thu nhập từ góp vốn Lagi	-	189.888.028
Thu phạt do chậm phát hành hóa đơn	-	13.080.760
Thanh lý nguyên vật liệu	-	64.200.000
Khác	283.461.210	2.231.371.296
Tổng	1.548.679.057	3.333.217.439
<i>Chi phí khác</i>		
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ thanh lý	-	-
Chi phí phạt chậm nộp	304.716.823	2.169.663.463
Chênh lệch lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh Giặt tẩy Nhà Bè	-	368.899.700
Các khoản khác	658.755.529	623.729.940
Tổng	963.472.352	3.162.293.103
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	585.206.705	170.924.336

5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	81.284.438.929	80.199.369.570
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	5.837.405.082	6.300.340.870
Chi phí không được trừ	4.953.938.256	3.621.182.590
Các khoản phạt	304.716.823	2.169.663.463
Các khoản khác	578.750.003	222.765.390
Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá	-	286.729.427
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	28.637.559.101	25.201.687.961
Thu nhập từ nhận cổ tức	24.315.103.223	22.840.603.847
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	4.322.455.878	2.361.084.114
Thu nhập chịu thuế	58.484.284.911	61.298.022.479
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	22%	22%
Thuế TNDN hiện hành năm nay	12.866.542.680	13.485.564.945
Thuế TNDN hiện hành	12.866.542.680	13.485.564.945

5.24 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.571.792.405.131	1.420.826.579.703
Chi phí nhân công	721.044.841.835	539.033.100.893
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.539.541.896	67.171.156.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.084.487.142.953	689.847.545.017
Chi phí khác bằng tiền	30.924.483.822	70.861.118.175
Tổng	3.466.788.415.636	2.787.739.500.472

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Thông tin về các bên liên quan****Giao dịch với các bên có liên quan****Giao dịch bán hàng trong năm**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Công ty Cổ Phần TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	848.582.951	801.684.320
		Gia công	-	5.900.523.239
		Khác	242.814.116	297.185.922
		Nguyên phụ liệu	580.168.497	195.170.487
		Quần áo	8.702.278.552	3.208.533.143
		Tiền thuê nhà	85.368.053	(1.577.700)
Công ty Cổ Phần May Sông Tiền	Công ty liên danh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	11.254.000	56.093.000
		Gia công	-	1.956.158.676
		Nguyên phụ liệu	21.652.398	51.058.378
		Thiết bị các loại	-	11.818.182
		Khác	6.304.880	12.057.727
		Quần áo	291.777.048	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Nhà Bè	Công ty Liên danh, liên kết	Quần áo	151.798.320	14.547.495
		Điện, ăn, nước, thuê máy	438.263.654	190.028.220
		Tiền thuê nhà	223.462.575	53.275.320
		Chi phí XNK	10.440.000	3.744.664
		Khác	1.727.040	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch bán hàng trong năm (Tiếp)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Công ty Cổ Phần May An Nhơn	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	6.738.000	12.974.000
		Khác	160.122.535	94.048.669
		Thiết bị các loại	-	7.272.727
		Chi Phí XNK	32.949.772	-
		Quần áo	2.975.000	-
Công ty Cổ Phần May Bình Định	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	196.436.961	244.943.298
		Nguyên phụ liệu	29.848.951	42.471.530
		Tiền thuê nhà	141.565.542	86.992.770
		Khác	57.476.880	136.371.000
		Quần áo	1.054.545	-
		Chi Phí XNK	88.079.385	-
Công ty Cổ Phần May Đà Lạt	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	16.757.000	55.909.000
		Khác	153.508.481	2.340.909
		Nguyên phụ liệu	36.526.470	1.217.214.597
		Thiết bị các loại	-	154.545.455
		Chi phí XNK	20.806.095	-
Công ty Cổ Phần May Gia Lai	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	185.835.332	206.857.332
		Khác	25.248.588	143.380.000
		Nguyên phụ liệu	203.848.600	544.969.086
		Quần áo	(98.105.590)	63.636.364
		Tiền thuê nhà	653.883.518	1.029.166.658
		Phí Air	-	279.763.078
		Chi phí XNK	172.669.851	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch bán hàng trong năm (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND		
Cty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	Công ty Liên danh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	8.556.000	43.086.000		
		Thiết bị các loại	145.090.876	21.090.909		
		Quần áo	3.818.190	-		
		Chi Phí XNK	5.129.550	-		
		Khác	5.810.788	-		
Cty CP May Tam Quan	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	-	4.609.000		
		Nguyên phụ liệu	18.873.061	126.690.266		
		Thiết bị các loại	136.363.636	2.000.000		
		Tiền thuê đất	-	40.134.510		
		Khác	161.658.849	1.008.269.613		
		Quần áo	2.068.687.821	-		
		Tiền thuê nhà	299.553.785	-		
Công ty Cổ Phần Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Chi Phí XNK	44.000.000	-		
		Điện, ăn, nước, thuê máy	166.107.229	214.918.951		
		Gia công	-	2.408.807.934		
		Khác	17.344.089	7.572.727		
		Thiết bị các loại	-	34.090.909		
		Nguyên phụ liệu	502.691.636	4.124.231.027		
		Tiền thuê nhà	136.447.633	170.545.841		
		Quần áo	4.520.840.594	2.326.824.974		
		Công ty Cổ Phần truyền thông NBC	Công ty liên danh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	42.180.378	105.399.781
				Tiền thuê nhà	55.033.495	235.724.674
Quần áo	18.300.000			-		
Khác	500.000			-		

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch bán hàng trong năm (Tiếp)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Công ty Cổ Phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Quần áo	2.573.173.738	521.715.455
		Gia công	-	713.860.000
		Khác	30.374.007	6.076.356
		Điện, ăn, nước, thuê máy	1.276.000	-
		Nguyên Phụ liệu	1.750.000	-
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Quần áo	50.585.980	16.044.115
		Điện, ăn, nước, thuê máy	23.841.880	-
		Tiền thuê nhà	71.838.900	-
CN Công Ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên danh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	119.834.544	-
		Tiền thuê nhà	83.617.575	-
		Khác	1.264.360	-
Công Ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	10.605.441	-
		Điện, ăn, nước, thuê máy	14.186.928	-
		Tiền thuê nhà	66.355.740	-

Giao dịch mua hàng trong năm

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Công ty Cổ Phần May An Nhơn	Công ty con	Gia công quần áo	32.426.930.754	39.935.717.038
Công ty Cổ Phần May Gia Lai	Công ty con	Gia công quần áo	77.494.770.478	86.372.434.182
Công ty Cổ Phần May Bình Định	Công ty con	Gia công quần áo	74.697.909.537	68.620.056.381
		Phí vận chuyển	26.469.600	-
Công ty Cổ Phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Gia công quần áo	23.446.296.436	11.736.801.549
		Hoa hồng đại lý	114.054.819	74.230.909

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch mua hàng trong năm (Tiếp)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Công ty Cổ Phần May Đà Lạt	Công ty con	Gia công quần áo Công cụ, dụng cụ	48.953.269.626 38.000.000	53.180.258.989 -
Công ty Cổ Phần May Sông Tiền	Công ty liên danh, liên kết	Gia công quần áo Nguyên phụ liệu	13.671.434.422 60.000	5.950.043.530 34.777.500
Công ty Cổ Phần May Tam Quan	Công ty con	Gia công Phí vận chuyển	137.304.144.840 84.153.281	130.096.693.352 -
Công ty Cổ Phần Thương mại Chợ	Đầu tư khác	Hoa hồng đại lý Phí vận chuyển Quảng cáo	- - -	68.394.725 8.586.004 35.500.000
Công ty Cổ Phần TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Gia công quần áo Phí vận chuyển Khác	20.713.717.435 3.536.500 563.043.895	188.818.750 8.303.000 -
Công ty Cổ Phần Truyền Thông NBC	Công ty liên danh, liên kết	Công cụ, dụng cụ Dịch vụ bảo trì máy vi tính Khác Phụ tùng Quảng cáo Sửa chữa Văn phòng phẩm TSCĐ Thiết bị các loại Gia công Phí vận chuyển	937.635.098 325.125.000 3.793.786.315 - 1.287.734.000 193.543.660 54.783.459 - 261.983.414 6.100.000 870.200	2.454.902.460 715.170.000 383.074.702 769.602.125 6.084.053.806 2.803.120.636 220.830.549 1.491.383.050 - - -



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch mua hàng trong năm (Tiếp)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Công cụ, dụng cụ	12.519.308.650	4.508.008.000
		Dịch vụ bảo trì máy vi tính	225.966.666	263.940.000
		Khác	1.300.000	107.800.000
		Phụ tùng	44.500.000	331.323.050
		Thiết bị các loại	174.135.000	823.724.000
		Văn phòng phẩm	10.290.000	6.550.000
Công ty Cổ Phần Xây Lắp CN Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Công cụ, dụng cụ	676.742.700	231.924.000
		Phụ tùng		2.540.382.400
		Sửa chữa	4.465.912.087	742.073.684
		Thiết bị các loại khác	2.351.975.320	-
		Văn Phòng Phẩm	160.831.100	-
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Gia công quần áo	18.462.799.010	2.836.743.538
Công ty Cổ phần Du Lịch Lagi	Công ty liên danh, liên kết	Khác		44.230.000
Công ty Cổ phần Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Gia công quần áo	233.181.650	2.803.031.800
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Thiết bị các loại	1.818.181.818	-
		Công cụ, dụng cụ	100.000.000	-
		Phí vận chuyển	54.547.889.002	-
		khác	13.512.565.773	-
		Sửa chữa	71.480.134	-
CN Công Ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên danh, liên kết	Thiết bị các loại	967.316.591	-
		Dịch vụ bảo trì	418.470.000	-
		Công cụ, dụng cụ	732.431.263	-
		Phí vận chuyển	722.523.364	-
		khác	3.004.698.689	-
		Văn Phòng Phẩm	112.011.412	-
		Sửa chữa	632.556.983	-
Quảng cáo	1.868.302.342	-		
Công Ty CP Thương Mại Bán Lê Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	khác	370.529.418	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên có liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty Cổ Phần Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng	3.134.188.578	1.454.688.692
Công ty Cổ Phần TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng	9.218.711.641	6.704.826.291
Công ty Cổ phần Đầu Tư Nhà bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	143.972.328	6.433.837
Công ty Cổ Phần May Gia Lai	Công ty con	Phải thu khách hàng	44.725.228.136	29.284.085.591
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	47.568.088	51.333.088
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Phải thu khách hàng	589.367	189.915.000
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Phải thu khách hàng	537.837	3.349.819
Công ty Cổ phần truyền thông NBC	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	-	14.947.836
Công ty Cổ Phần May Phú Thịnh - Nhà bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	198.139.435	25.618.004
Công ty Cổ Phần May Bình Định	Công ty con	Phải thu khách hàng	-	43.601.560
Công Ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng	29.820.013	-
Công ty Cổ phần Xây lắp CN Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải thu khách hàng	19.985.130	-
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty con	Phải trả người bán	9.262.826.484	12.426.957.036
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Phải trả người bán	12.639.392.680	15.986.996.863
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Phải trả người bán	9.047.209.602	2.833.142.290
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Phải trả người bán	8.259.361.192	7.330.846.541
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Phải trả người bán	14.571.303.665	15.456.771.033
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	2.286.890.034	2.180.696.802
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	3.523.530.552	2.420.030.384
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Phải trả người bán	20.455.026.214	25.829.917.696
Công ty Cổ phần Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Phải trả người bán	2.525.327.600	-
Công ty CP Thương Mại Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Phải trả người bán	1.309.539.760	31.494.273
Công ty Cổ phần Xây lắp CN Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	-	499.130.170
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	601.028.743	154.904.750
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	Công ty liên danh, liên kết	Phải trả người bán	344.990	344.990

TÔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên có liên quan (Tiếp)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Điện, ăn, nước, thuê máy	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty Cổ phần Truyền thông NBC	Công ty liên danh, liên kết	Trả trước người bán	-	208.243.561
Công ty Cổ phần Xây lắp CN Nhà Bè	Công ty liên danh, liên kết	Trả trước người bán	1.916.980.674	-
Công Ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Trả trước người bán	10.156.364	-
Công Ty CP TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Trả trước người bán	4.621.404	-
Công ty Cổ Phần May Gia Lai	Công ty con	Phải trả khác	3.800.000.000	3.800.000.000

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	127.376.857.314	55.907.981.288
Phải thu khách hàng và phải thu khác	696.218.150.819	493.716.313.139
Đầu tư tài chính dài hạn	1.530.000.000	1.530.000.000
Tổng	825.125.008.133	551.154.294.427
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.329.806.461.075	1.006.245.395.342
Phải trả người bán và phải trả khác	323.042.732.001	293.390.076.534
Chi phí phải trả	25.762.430.818	15.854.998.246
Tổng	1.678.611.623.894	1.315.490.470.122

Các loại công cụ tài chính

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, Tổng Công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, Công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2015			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	315.208.051.036	7.834.680.965	323.042.732.001
Chi phí phải trả	25.762.430.818	-	25.762.430.818
Các khoản vay	1.293.451.945.075	36.354.516.000	1.329.806.461.075
Tổng	1.634.422.426.929	44.189.196.965	1.678.611.623.894
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2015			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	285.345.686.903	8.044.389.631	293.390.076.534
Chi phí phải trả	15.854.998.246	-	15.854.998.246
Các khoản vay	981.314.810.542	24.930.584.800	1.006.245.395.342
Tổng	1.282.515.495.691	32.974.974.431	1.315.490.470.122

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	127.376.857.314	-	127.376.857.314
Phải thu khách hàng và phải thu khác	683.921.451.663	12.296.699.156	696.218.150.819
Đầu tư tài chính khác	-	1.530.000.000	1.530.000.000
Tổng	811.298.308.977	13.826.699.156	825.125.008.133
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.907.981.288	-	55.907.981.288
Phải thu khách hàng và phải thu khác	480.200.845.939	13.515.467.200	493.716.313.139
Đầu tư tài chính khác	-	1.530.000.000	1.530.000.000
Tổng	536.108.827.227	15.045.467.200	551.154.294.427

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Tổng Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, Tổng Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	01/01/2015	01/01/2015	Chênh lệch VND
	VND	VND	
Chỉ tiêu	(Theo Quyết định 15)	(Theo thông tư 200)	VND
Phải thu ngắn hạn khác	57.276.848.273	42.408.176.560	(14.868.671.713)
Tài sản ngắn hạn khác	3.735.227.056	-	(3.735.227.056)
Phải thu dài hạn khác	13.515.467.381	33.799.653.350	20.284.185.969
Tài sản dài hạn khác	1.680.287.200	-	(1.680.287.200)

NGUỒN VỐN	01/01/2015	01/01/2015	Chênh lệch VND
	VND	VND	
Chỉ tiêu	(Theo Quyết định 15)	(Theo thông tư 200)	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	277.152.364.399	275.212.403.033	(1.939.961.366)
Phải trả người bán dài hạn	-	1.939.961.366	1.939.961.366
Quỹ đầu tư phát triển	18.200.000.000	30.312.209.716	12.112.209.716
Quỹ dự phòng tài chính	12.112.209.716	-	(12.112.209.716)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Năm 2014	Năm 2014	Chênh lệch VND
	VND	VND	
	(Theo Quyết định 15)	(Theo thông tư 200)	VND
Thu nhập khác	3.968.918.414	3.333.217.439	(635.700.975)
Chi phí khác	3.797.994.078	3.162.293.103	(635.700.975)

Người lập



Huỳnh Văn Phát

Kế toán trưởng



Mai Văn Hoàng Dũng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Cường